

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 262/2026/DSST

Ngày: 30 – 6 – 2026.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng góp
hụi*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Nguyễn Minh Trí**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đoàn Quốc Cường**

2. Ông **Huỳnh Duy Hòa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Mai Hương** – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ tham gia phiên
tòa:** Bà **Lê Thị Hà** – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2026/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2026 về việc “tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2026/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1948 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã T, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Trần Văn V**, sinh năm 1981 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bà **Nguyễn Thị Bích G**, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

Do quen biết, bà có tham gia các dây hụi do vợ chồng ông **Trần Văn V**, bà **Nguyễn Thị Bích G** làm chủ hụi. cụ thể như sau:

+ Dây hụi mở ngày 30/9/2020 âm lịch, 03 tháng khui 01 lần, số tiền góp mỗi kỳ là 5.000.000 đồng/tháng. Bà đã đóng được 13 lần, tổng số tiền đóng thực tế là 65.000.000 đồng.

+ Dây hụi mở ngày 05/10/2022 âm lịch, hụi tháng, số tiền góp 1.000.000 đồng/tháng. Bà đã đóng được 32 tháng, tổng số tiền đóng thực tế là 32.000.000 đồng. Bà hốt hụi vào ngày 05/12/2024 âm lịch nhưng ông V, bà G không giao tiền.

+ Dây hụi mở ngày 12/11/2023 âm lịch, hụi tháng, số tiền góp mỗi kỳ là 2.000.000 đồng/tháng. Bà đã đóng 26 tháng, tổng số tiền thực tế đã đóng là 52.000.000 đồng. Đến kỳ hụi tháng 4/2025 âm lịch, chủ hụi tuyên bố tạm ngưng không kêu hụi nữa và bỏ trốn. Nay bà yêu cầu ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị Giang trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 149.000.000 đồng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/5/2026, bị đơn ông Trần Văn V trình bày:

Ông thừa nhận vợ ông là bà Nguyễn Thị Bích G có làm chủ hụi, bà Trần Thị M có tham gia hụi và vợ chồng ông còn nợ bà M tổng số tiền 149.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà M, ông V đề nghị giải quyết vắng mặt; bà G vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về việc giải quyết vụ án:* Qua nghiên cứu hồ sơ, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn đã được xem xét, đối chiếu với các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hụi nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thị M và ông Trần Văn V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị Bích G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng

mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Nguyên đơn và bị đơn ông Trần Văn V thống nhất ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị Bích G còn nợ bà Trần Thị M tổng số tiền hội thực tế đã đóng là 149.000.000 đồng nên thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ xác định ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị Bích G còn nợ bà Trần Thị M tiền hội 149.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự.

[3.2] Do ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị Bích G vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Trần Thị M yêu cầu ông V, bà G trả tiền hội 149.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự.

[3.3] Từ những nhận định trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận; Quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019;

Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15;

Điều 280; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M.
2. Buộc ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị Bích G trả cho bà Trần Thị M số tiền hui còn nợ là 149.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi chín triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị Bích G phải chịu 7.450.000 đồng (*Bảy một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 14 – Cần Thơ.
- THADS TP. Cần Thơ;
- Lưu

Phan Nguyễn Minh Trí